

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN được thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

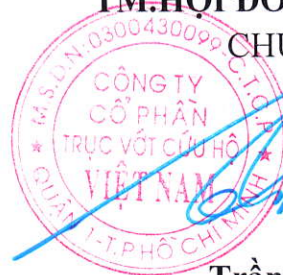
Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính;

Hội đồng quản trị công ty đề nghị đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Trục vớt cứu hộ Việt Nam như sau: *(nội dung bổ sung, sửa đổi đính kèm)*

Hội đồng quản trị xin phép thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thọ

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi	Ghi chú
1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>c. “Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>c. <i>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>d. “Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17/6/2020.</p> <p>đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019</p> <p>g. <i>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</i></p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>o. <i>“Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</i></p>	Điều 4, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, thông qua ngày 17/6/2020
2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 58 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 60 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	Điều lệ công ty

3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 13 và Điều 14</u> Luật doanh nghiệp hiện hành.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 12 và Điều 13</u> Luật doanh nghiệp hiện hành.</p>	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020
4	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, ... Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 120</u> Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, ... Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 121</u> Luật doanh nghiệp.</p>	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020
5	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 <u>Điều 111</u> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị ...</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <i>khoản 3 Điều 112</i> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị ...</p>	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020
6	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ ... quy định tại <u>Điều 129</u> Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i></p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ ... quy định tại <u>Điều 132</u> Luật doanh nghiệp;</p> <p>k. <i>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i></p> <p>l. <i>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>m. <i>Được bảo vệ các quyền, lợi</i></p>	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020

		<i>ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i>	
	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136</u> Luật doanh nghiệp;</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <i>Điều 115 và Điều 139, 140</i> Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020</p>
7	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160</u> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trường hợp công ty chưa tổ chức được ĐHĐCĐ theo thời gian quy định, Hội đồng quản trị gia hạn họp ĐHĐCĐ nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165</u> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>Khoản 1, 2, Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020</p>

	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p>	
8	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	

		<p><i>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</i></p> <p><i>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</i></p> <p><i>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p><i>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</i></p>	
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p><i>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i></p> <p><i>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</i></p> <p><i>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></p>	
	<p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng</p>	<p>s. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng</p>	

	<p>được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p><i>t. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>u. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</i></p>	
9	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự <i>hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</i> Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông <i>theo quy định tại khoản 1 Điều này</i> phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	
10	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p><u>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để</u></p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi</i></p>	


	<p><u>thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành ...</u></p>	<p><i>cùng loại dự hợp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p> <p>2. ...</p>	
11	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. ...</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ...</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi ... Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>5. ...</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. ...</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ... <i>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi ... Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>hai mươi một (21) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>5. ...</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>6. <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</i></p>	<p>Khoản 1, Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020</p> <p>Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020</p>
12	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ</p>	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ</p>	

	<p>đồng, Công ty ...</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa ... do Hội đồng quản trị triệu tập.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ... theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u></p>	<p>đồng, Công ty ... <i>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</i></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <i>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i> do Hội đồng quản trị triệu tập.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ... theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. <i>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p>	
13	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan ...</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan ..., <i>thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty,...</i></p>	
14	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	

	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <i>Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.</i></p>	
15	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ...</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <i>theo quy định tại khoản 5, Điều 115 Luật doanh nghiệp</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ...</p> <p>4. <i>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p>	<p>Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14, thông qua ngày 17/6/2020</p>
16	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>... Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 <u>Điều 134</u> Luật doanh nghiệp, ...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>... Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 <u>Điều 137</u> Luật doanh nghiệp, ...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị <i>theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp</i> và trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Có đơn từ chức <i>và được chấp thuận;</i></p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy</p>	

	pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. (Thực hiện theo Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp)	định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. (Thực hiện theo Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp)	
17	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. <u>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;</u></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, ...</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</i></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3, <i>khoản 4 Điều 167</i> Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, ...</p>	
18	<p>Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông ... trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông ... trong các trường hợp sau đây:</p>	

	b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp hiện hành.	b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp hiện hành.	
14	<p>Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty và thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty ... Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>5. Thư ký Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty và thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty ... Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>5. Thư ký Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.</p>	
	Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp	<p>Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p><i>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</i></p> <p><i>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</i></p>	
	<p>Điều 41. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước</p>	<p>Điều 41. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải</p>	

	<p>khi tiến hành đề cử.</p>	<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	
15	<p>Điều 42. Kiểm soát viên</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 164</u> của Luật doanh nghiệp hiện hành và Khoản 2 Điều 42 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 42. Thành phần Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 169</u> của Luật doanh nghiệp hiện hành và Khoản 2 Điều 42 Điều lệ này;</p>	
16	<p>Điều 43. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165</u> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 170</u> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>(Khoản 3 và khoản 4 Điều 43 Điều lệ cũ được bổ sung thành 02 Điều là Điều 44 và Điều 45 Điều lệ mới 2021)</p> 	
		<p>Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản</p>	<p>Bổ sung vào Điều lệ</p>

		<p>cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
		<p>Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	Bổ sung vào Điều lệ
17	<p>Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải</p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p>	

	công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 164</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	
18	Điều 51. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo <u>Điều 132</u> Luật doanh nghiệp hiện hành.	Điều 51. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo <u>Điều 135</u> Luật doanh nghiệp hiện hành.	
19	Điều 57. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 57. Báo cáo thường niên và báo cáo quản trị công ty Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên và báo cáo tình hình quản trị công ty theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Khoản 4, Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020
20	Các nội dung khác tại Điều lệ hiện hành của công ty được giữ nguyên để thực hiện.		